

NGHỊ QUYẾT

**Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm
phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền
địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1677/UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi;

Xét Tờ trình số 02/TTr-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Sửa đổi tỷ lệ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, thuế tài nguyên thu từ Nhà máy thủy điện Nước

Trong, Nhà máy thủy điện Sơn Trà 1 tại Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi như phụ lục 01 kèm theo. Các nội dung còn lại của quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương năm 2025 tiếp tục thực hiện như sau:

1. Tại các xã, phường, đặc khu như phụ lục 02 kèm theo thực hiện theo các Nghị quyết: số 28/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2022 và số 18/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Tại các xã, phường như phụ lục 03 kèm theo thực hiện theo các Nghị quyết: số 57/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 và số 20/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

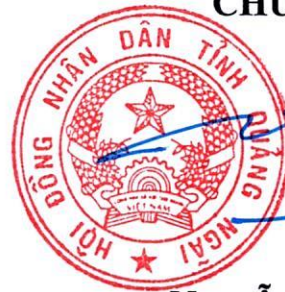
Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 7 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- TTTU, TTHĐND, UBND, cơ quan UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các Phòng, CV;
- Lưu: VT, Cthđnd(ptth).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Tuy



Phụ lục 01

(Kèm theo Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 14/7/2025 của HĐND tỉnh)

Số TT	Danh mục thu	Tỷ lệ (%)				Ghi chú
		TW	Tỉnh	Xã, Phường	Đặc khu Lý Sơn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Thuế thu từ các Doanh nghiệp Nhà nước Trung ương, địa phương (bao gồm Doanh nghiệp Nhà nước đã cổ phần hóa Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn Điều lệ trở lên), doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (trừ Xổ số kiến thiết)					
1.1	Thuế giá trị gia tăng (GTGT)		100			
1.2	Thuế TNDN (trừ các DN hạch toán toàn ngành)		100			
1.3	Thuế TTĐB hàng hóa, dịch vụ trong nước		100			
1.4	Thuế tài nguyên					
a	Trên địa bàn các xã, phường		50	50		
b	Trên địa bàn đặc khu Lý Sơn				100	
1.5	Thu khác về thuế (bao gồm thu phạt về thuế)		100			
2	Thuế công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh					
2.1	Thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TTĐB của các công ty cổ phần (bao gồm Doanh nghiệp Nhà nước đã cổ phần hóa Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn Điều lệ), Công ty trách nhiệm hữu hạn, hợp tác xã.					
a	Trên địa bàn các xã, phường		100			
b	Trên địa bàn đặc khu Lý Sơn		7		93	
2.2	Thuế GTGT, thuế TTĐB của kinh tế cá thể, hộ gia đình					
a	Thu trên địa bàn các xã: Tịnh Khê, An Phú và phường: Cẩm Thành, Nghĩa Lộ, Trương Quang Trọng		85	15		
b	Thu trên địa bàn các xã, phường còn lại		69	31		
c	Trên địa bàn đặc khu Lý Sơn		7		93	
2.3	Thuế tài nguyên					
a	Trên địa bàn các xã, phường		50	50		
b	Trên địa bàn đặc khu Lý Sơn				100	
2.4	Thuế tài nguyên thu từ Nhà máy thủy điện Nước Trong					
a	Trên địa bàn xã Sơn Hà		20	20		
b	Trên địa bàn các xã: Tây Trà Bồng và Tây Trà		30	30		(Xã Tây Trà Bồng hưởng 62%, Xã Tây Trà hưởng 38%)
2.5	Thuế tài nguyên thu từ Nhà máy thủy điện Sơn Trà 1					
a	Trên địa bàn xã Sơn Kỳ		30	30		
b	Trên địa bàn các xã Sơn Tây Hạ		20	20		
2.6	Các khoản thu thuế từ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi và Công ty Thép Hòa Phát - Dung Quất (trừ số thu thuế tài nguyên)		100			
2.7	Thu khác về thuế Công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh (bao gồm thu phạt về thuế)					
a	Trên địa bàn các xã, phường		100			
b	Trên địa bàn đặc khu Lý Sơn				100	

Số TT	Danh mục thu	Tỷ lệ (%)				Ghi chú
		TW	Tỉnh	Xã, Phường	Đặc khu Lý Sơn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3	Lệ phí trước bạ					
3.1	Lệ phí trước bạ nhà đất					
a	Trên địa bàn các xã, phường			100		
b	Trên địa bàn đặc khu Lý Sơn				100	
3.2	Lệ phí trước bạ khác					
a	Trên địa bàn các xã, phường		100			
b	Trên địa bàn đặc khu Lý Sơn				100	
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
a	Trên địa bàn các xã, phường			100		
b	Trên địa bàn đặc khu Lý Sơn				100	
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					
a	Trên địa bàn các xã, phường			100		
b	Trên địa bàn đặc khu Lý Sơn				100	
6	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước					
6.1	Giấy phép do Trung ương cấp		100			
6.2	Giấy phép do UBND tỉnh cấp					
a	Trên địa bàn các xã, phường		70	30		
b	Trên địa bàn đặc khu Lý Sơn				100	
7	Tiền sử dụng khu vực biển đối với khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của địa phương		100			
8	Thu tiền sử dụng đất					
8.1	Cấp đất cho cá nhân					
a	Trên địa bàn các xã, phường		100			
b	Trên địa bàn đặc khu Lý Sơn				100	
8.2	Thu đấu giá quyền sử dụng đất, cho thuê đất					
a	Dự án do ngân sách tỉnh đầu tư		100			
b	Dự án do ngân sách đặc khu đầu tư				100	
8.3	Các dự án giao đất cho nhà đầu tư tự bỏ vốn làm chủ dự án và các dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (bao gồm tiền sử dụng đất và cho thuê đất nộp tiền thuê đất 1 lần)		50		50	đặc khu Lý Sơn hưởng 50% nhưng tối đa không quá 50 tỷ đồng/dự án
8.4	Khoản thu cấp quyền sử dụng đất cho các hộ dân tái định cư					
a	Ngân sách tỉnh đầu tư		100			
b	Ngân sách đặc khu đầu tư				100	
9	Tiền cho thuê đất (không bao gồm nội dung quy định tại mục 8.2 và 8.3 Phụ lục này), thuê mặt nước					
9.1	Trên địa bàn các xã, phường		100			
9.2	Trên địa bàn đặc khu Lý Sơn				100	
10	Thuế thu nhập cá nhân					
10.1	Thuế thu nhập cá nhân do Chi cục thuế Khu vực XII thu		100			
10.2	Thuế thu nhập cá nhân do Đội thuế liên xã thu					
a	Thuế thu nhập cá nhân của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh					

Số TT	Danh mục thu	Tỷ lệ (%)				Ghi chú
		TW	Tỉnh	Xã, Phường	Đặc khu Lý Sơn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
-	Thu trên địa bàn các xã: Tịnh Khê, An Phú và phường: Cẩm Thành, Nghĩa Lộ, Trương Quang Trọng		85	15		
-	Thu trên địa bàn các xã, phường còn lại		100			
-	Thu trên địa bàn đặc khu Lý Sơn		7		93	
b	Thuế thu nhập cá nhân khác					
-	Trên địa bàn các xã, phường		100			
-	Trên địa bàn đặc khu Lý Sơn		7		93	
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		100			
12	Thuế bảo vệ môi trường		100			
13	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải, khai thác khoáng sản <i>(đối với phí bảo vệ môi trường từ nước thải đã trừ các khoản được để lại cho đơn vị cung cấp nước sạch, chi phí hoạt động thu phí)</i>					
13.1	Trên địa bàn các xã, phường		100			
13.2	Trên địa bàn đặc khu Lý Sơn		50		50	
14	Lệ phí môn bài					
14.1	Thu từ các doanh nghiệp, công ty, hợp tác xã					
a	Trên địa bàn các xã, phường		100			
b	Trên địa bàn đặc khu Lý Sơn				100	
14.2	Thu từ hộ gia đình, cá nhân sản xuất kinh doanh					
a	Trên địa bàn các xã, phường			100		
b	Trên địa bàn đặc khu Lý Sơn				100	
15	Thu phí, lệ phí khác					
15.1	Các đơn vị tỉnh quản lý		100			
15.2	Các đơn vị xã, phường quản lý			100		
15.3	Các đơn vị đặc khu Lý Sơn quản lý				100	
16	Thu sự nghiệp					
16.1	Các đơn vị tỉnh quản lý		100			
16.2	Các đơn vị xã, phường quản lý			100		
16.3	Các đơn vị đặc khu Lý Sơn quản lý				100	
17	Thu tiền bán nhà, thuê nhà, thanh lý tài sản thuộc sở hữu nhà nước					
17.1	Các đơn vị tỉnh quản lý		100			
17.2	Các đơn vị xã, phường quản lý			100		
17.3	Các đơn vị đặc khu Lý Sơn quản lý				100	
18	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản					
18.1	Trên địa bàn các xã, phường			100		
18.2	Trên địa bàn đặc khu Lý Sơn				100	
19	Thu khác ngân sách					
19.1	Thu phạt, tịch thu <i>(trừ thu phạt về thuế)</i>					
a	Do Trung ương quản lý thu	100				
b	Do tỉnh quản lý thu		100			
c	Do xã, phường quản lý thu			100		
d	Do đặc khu Lý Sơn quản lý thu				100	
19.2	Thu xử phạt vi phạm trật tự an toàn giao thông					
a	Do Trung ương quản lý thu	100				
b	Do tỉnh quản lý thu		100			
c	Do xã, phường quản lý thu			100		
d	Do đặc khu Lý Sơn quản lý thu				100	

Số TT	Danh mục thu	Tỷ lệ (%)				Ghi chú
		TW	Tỉnh	Xã, Phường	Đặc khu Lý Sơn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
19.3	Thu đóng góp					
a	Do tỉnh thu		100			
b	Do xã, phường thu			100		
c	Do đặc khu Lý Sơn thu				100	
19.4	Các khoản thu khác					
a	Do tỉnh thu		100			
b	Do xã, phường thu			100		
c	Do đặc khu Lý Sơn thu				100	

Phụ lục 02

(Kèm theo Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 14/7/2025 của HĐND tỉnh)

STT	TÊN XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU
1	Xã Tịnh Khê
2	Xã An Phú
3	Xã Nguyễn Nghiêm
4	Xã Khánh Cường
5	Xã Bình Minh
6	Xã Bình Chương
7	Xã Bình Sơn
8	Xã Vạn Tường
9	Xã Đông Sơn
10	Xã Trường Giang
11	Xã Ba Gia
12	Xã Sơn Tịnh
13	Xã Thọ Phong
14	Xã Tư Nghĩa
15	Xã Vệ Giang
16	Xã Nghĩa Giang
17	Xã Trà Giang
18	Xã Nghĩa Hành
19	Xã Đình Cương
20	Xã Thiện Tín
21	Xã Phước Giang
22	Xã Long Phụng
23	Xã Mỏ Cày
24	Xã Mộ Đức
25	Xã Lân Phong
26	Xã Trà Bồng
27	Xã Đông Trà Bồng
28	Xã Tây Trà
29	Xã Thanh Bồng
30	Xã Cà Đam
31	Xã Tây Trà Bồng
32	Xã Sơn Hạ
33	Xã Sơn Linh
34	Xã Sơn Hà
35	Xã Sơn Thủy
36	Xã Sơn Kỳ
37	Xã Sơn Tây
38	Xã Sơn Tây Thượng

STT	TÊN XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU
39	Xã Sơn Tây Hạ
40	Xã Minh Long
41	Xã Sơn Mai
42	Xã Ba Vì
43	Xã Ba Tô
44	Xã Ba Đình
45	Xã Ba Tơ
46	Xã Ba Vinh
47	Xã Ba Động
48	Xã Ba Xa
49	Xã Đặng Thùy Trâm
50	Phường Trương Quang Trọng
51	Phường Cẩm Thành
52	Phường Nghĩa Lộ
53	Phường Trà Câu
54	Phường Đức Phổ
55	Phường Sa Huỳnh
56	Đặc khu Lý Sơn

Phụ lục 03

(Kèm theo Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 14/7/2025 của HĐND tỉnh)

STT	TÊN XÃ, PHƯỜNG
1	Xã Ngọc Bay
2	Xã Ia Chim
3	Xã Đăk Rơ Wa
4	Xã Đăk Pxi
5	Xã Đăk Mar
6	Xã Đăk Ui
7	Xã Ngọc Réo
8	Xã Đăk Hà
9	Xã Ngọc Tụ
10	Xã Đăk Tô
11	Xã Kon Đào
12	Xã Đăk Sao
13	Xã Đăk Tờ Kan
14	Xã Tu Mơ Rông
15	Xã Măng Ri
16	Xã Bờ Y
17	Xã Sa Loong
18	Xã Dục Nông
19	Xã Xốp
20	Xã Ngọc Linh
21	Xã Đăk Plô
22	Xã Đăk Pék
23	Xã Đăk Môn
24	Xã Sa Thầy

STT	TÊN XÃ, PHƯỜNG
25	Xã Sa Bình
26	Xã Ya Ly
27	Xã Ia Toi
28	Xã Đăk Kôi
29	Xã Kon Braih
30	Xã Đăk Rve
31	Xã Măng Đen
32	Xã Măng Bút
33	Xã Kon Plông
34	Phường Kon Tum
35	Phường Đăk Cấm
36	Phường Đăk Bla
37	Xã Đăk Long
38	Xã Rờ Koi
39	Xã Mô Rai
40	Xã Ia Đal